

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 91 /NQ-HĐND

Cần Thơ, ngày 27 tháng 6 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 thành phố Cần Thơ
các nguồn vốn ngân sách địa phương**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI MỐT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025, giao dự toán, kế hoạch đầu tư công từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương, kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn ngân sách trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc sửa đổi điểm e khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Về việc giao, cho ý kiến kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 thành phố Cần Thơ các nguồn vốn thuộc ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2025 về việc giao chi tiết, điều chỉnh bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 thành phố Cần Thơ các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao chi tiết, điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thành phố Cần Thơ từ các nguồn vốn ngân sách địa phương: 47/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2021; 66/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021; số 15/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022; số 29/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2022; số 44/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022; số 04/NQ-HĐND ngày 17 tháng 3 năm 2023; số 05/NQ-HĐND ngày 17 tháng 3 năm 2023; số 22/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2023; số 23/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2023; số 49/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023; số 50/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023; số 05/NQ-HĐND ngày 09 tháng 4 năm 2024; số 13/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2024; số 21/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2024; số 39/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2024; số 40/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2024; số 46/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024; số 47/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024; số 17/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2025; số 18/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2025; số 90/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Tờ trình số 129/TTr-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc điều chỉnh nội bộ Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 các nguồn vốn ngân sách địa phương thành phố Cần Thơ; Công văn số 2988/UBND-XDĐT ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giải trình làm rõ một số nội dung tại cuộc họp thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 các nguồn vốn ngân sách địa phương thành phố Cần Thơ, cụ thể như sau:

1. Vốn chuẩn bị đầu tư:

- Điều chỉnh giảm 440 triệu đồng của 02 dự án.
- Điều chỉnh tăng 440 triệu đồng cho 02 dự án.

2. Vốn thực hiện dự án:

- Điều chỉnh giảm 21,065 tỷ đồng của 05 dự án.
- Điều chỉnh tăng 21,065 tỷ đồng cho 10 dự án (trong đó, có 07 dự án hoàn thành, chuyển tiếp có thời gian bố trí vốn vượt quá thời gian quy định).

(Chi tiết dự án theo Phụ lục I, II đính kèm)

Điều 2. Trách nhiệm thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định và chịu trách nhiệm toàn diện trước Hội đồng nhân dân thành phố, cơ quan thanh tra, kiểm toán, cơ quan liên quan khác về tính chính xác của thông tin số liệu của dự án, mức vốn phân bổ cho từng dự án theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa X, kỳ họp thứ hai mươi một (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 27 tháng 6 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Cần Thơ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- UBND thành phố;
- UBMTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Website Chính phủ;
- TT. Điều hành đô thị thông minh;
- TT. Lưu trữ lịch sử thành phố;
- Báo Cần Thơ; Đài PT và TH TP. Cần Thơ;
- Lưu: VT, HĐ, 250.

CHỦ TỌA KỲ HỌP



Nguyễn Xuân Hải



Phụ lục I
DANH MỤC DỰ ÁN HOÀN THÀNH, CHUYỂN TIẾP BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 CÓ THỜI GIAN THỰC HIỆN VƯỢT QUÁ THỜI GIAN QUY ĐỊNH
(Kèm theo Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng													
TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án A/B/C	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024		Kế hoạch vốn năm 2025 bổ sung
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số	Trong đó: vốn NSDP	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				
I	Tổng số							671.149	521.149	275.073	549.030	399.030	12.381
	Công an thành phố							22.723	22.723	494	20.463	20.463	456
	Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng							22.723	22.723	494	20.463	20.463	456
	Bồi thường hỗ trợ và tái định cư đất quy hoạch xây dựng Trạm CSGT đường bộ (Trạm số 2) tại phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ	C	7004692	Ô Môn		2016-2020	900/QĐ-UBND ngày 31/3/2016; 1308/QĐ-UBND ngày 24/5/2018; số 2793/QĐ-UBND ngày 18/11/2019	22.723	22.723	494	20.463	20.463	456
II	Ban QLDA BTXD thành phố							645.381	495.381	271.538	525.922	375.922	11.909
*	Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng							450.946	300.946	145.523	418.768	268.768	2.965
1	Dự án Cầu Vàm Xáng và đường nối từ cầu Vàm Xáng đến Quốc lộ 61C	B	7743135	Phong Điền		2019 - 2025	1205/QĐ-UBND ngày 21/5/2019; 281/QĐ-UBND ngày 07/02/2025	450.000	300.000	144.723	418.271	268.271	2.900
2	Sửa chữa, cải tạo khu vực tầng hầm và hội trường lớn trụ sở UBND TPCT	C	7919715	Ninh Kiều		2021-2023	300/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	946	946	800	497	497	65
**	Dự án chuyển tiếp							194.435	194.435	126.015	107.154	107.154	8.944
1	Cầu, tuyến đường dẫn vào cầu từ Khu tái định cư Trường Đại học Y được Cần Thơ đến Khu đô thị tái định cư Cừu Long	C	7545459	Ninh Kiều		2016-2025	880/QĐ-UBND 31/3/2016 1033/QĐ-UBND ngày 24/4/2025	76.615	76.615	9.286	16.496	16.496	1.000
2	Kho lưu trữ chuyển dụng thành phố Cần Thơ	B	7184282	Ninh Kiều		2021-2025	1424/QĐ-UBND ngày 15/7/2020	68.638	68.638	67.847	60.892	60.892	2.810
3	Xây dựng phòng họp và cải tạo sửa chữa trụ sở Thành ủy, Hội trường Thành ủy	B	7851365	Ninh Kiều		2021-2025	1375/QĐ-UBND ngày 21/5/2019	49.182	49.182	48.882	29.766	29.766	5.134
III	Cầu lạc bộ Hưu trí thành phố Cần Thơ							3.045	3.045	3.041	2.645	2.645	16
	Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng							3.045	3.045	3.041	2.645	2.645	16
	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Cầu lạc bộ Hưu trí thành phố Cần Thơ	C	7966734	Ninh Kiều		2023-2024	99/QĐ-SXD ngày 11/4/2023	3.045	3.045	3.041	2.645	2.645	16

Phụ lục II
DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 CÁC NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Nghị quyết số 9/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố)



TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án A/B/C	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024		Kế hoạch vốn năm 2025 trước khi điều chỉnh	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh (tăng/giảm)			Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh		
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số	Trong đó: vốn NSDP	Kế hoạch Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Ngân sách địa phương	
								XSKT											
1	Cải tạo, sửa chữa Trường Cao đẳng Y tế Cần Thơ	C	7.885.992	Ninh Kiều		2024-2025	21/QĐ-SXD ngày 25/01/2022 60/QĐ-UBND ngày 14/03/2023 315/QĐ-SXD ngày 5/12/2024	13.371	13.371	13.036	340	340	10.000	1.850	1.850		11.850		
2	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Ban QLDA ĐTXD Công trình Dân dụng và Công Nghiệp thành phố Cần Thơ	C	8116628	Ninh Kiều		2025	349/QĐ-SXD ngày 31/12/2024	5.619	5.619	5.419	200	200		5.300	5.300		5.300		
II	Công an thành phố							22.723	22.723	494	20.463	20.463	0	456	456		456		
	Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng							22.723	22.723	494	20.463	20.463	0	456	456		456		
	Bồi thường hỗ trợ và tái định cư đất quy hoạch xây dựng Trạm CSGT đường bộ (Trạm số 2) tại phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ	C	7004692	Ô Môn		2016-2020	900/QĐ-UBND ngày 31/3/2016; 1308/QĐ-UBND ngày 24/5/2018; số 2793/QĐ-UBND ngày 18/1/2019	22.723	22.723	494	20.463	20.463		456	456		456		
III	Ban QLDA ĐTXD thành phố							645.381	495.381	271.538	525.922	375.922	10.500	11.909	11.909		22.409		
*	Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng							450.946	300.946	145.523	418.768	268.768	4.000	2.965	2.965		6.965		
1	Dự án Cầu Vàm Xăng và đường nối từ cầu Vàm Xăng đến Quốc lộ 61C	B	7743135	Phong Điền		2019 - 2025	1205/QĐ-UBND ngày 21/5/2019; 281/QĐ-UBND ngày 07/02/2025	450.000	300.000	144.723	418.271	268.271	4.000	2.900	2.900		6.900		
2	Sửa chữa, cải tạo khu vực tầng hầm và hội trường lớn trụ sở UBND TPCT	C	7919715	Ninh Kiều		2021-2023	300/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	946	946	800	497	497		65	65		65		
**	Dự án chuyển tiếp							194.435	194.435	126.015	107.154	107.154	6.500	8.944	8.944		15.444		

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án A/B/C	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024		Kế hoạch vốn năm 2025 trước khi điều chỉnh	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh (tăng/giảm)			Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh			
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số nguồn vốn		Ngân sách địa phương	Cân đối NSDP	XSKT
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP											
1	Cầu, tuyến đường dẫn vào cầu từ Khu tái định cư Trường Đại học Y được Cần Thơ đến Khu Đô thị tái định cư Cửu Long	C	7545459	Ninh Kiều		2016-2025	880/QĐ-UBND 31/3/2016 1033/QĐ-UBND ngày 24/4/2025	76.615	76.615	9.286	16.496	16.496	1.000	1.000			1.000			
2	Kho lưu trữ chuyển dụng thành phố Cần Thơ	B	7184282	Ninh Kiều		2021-2025	1424/QĐ-UBND ngày 15/7/2020	68.638	68.638	67.847	60.892	60.892	2.810	2.810			2.810			
3	Xây dựng phòng họp và cải tạo sửa chữa trụ sở Thành ủy, Hội trường Thành ủy	B	7851365	Ninh Kiều		2021-2025	1375/QĐ-UBND ngày 21/5/2019	49.182	49.182	48.882	29.766	29.766	5.134	5.134			11.634			
IV	Cầu lạc bộ Hưu trí thành phố Cần Thơ							3.045	3.045	3.041	2.645	2.645	16	16	16	0	16			
	Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng							3.045	3.045	3.041	2.645	2.645	16	16	16	0	16			
	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Cầu lạc bộ Hưu trí thành phố Cần Thơ	C	7966734	Ninh Kiều		2023-2024	99/QĐ-SXD ngày 11/4/2023	3.045	3.045	3.041	2.645	2.645	16	16	16		16			
V	Sở Giáo dục và Đào tạo							159.986	159.986	156.559	121.259	121.259	0	0	0	0	34.300			
	Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng							79.994	79.994	77.176	76.076	76.076	-1.534	0	-1.534		566			
1	Trường THCS và THPT Tân Lộc	C	7861067	Thốt Nốt		2021-2024	691/QĐ-UBND ngày 15/02/2022	39.995	39.995	39.588	38.488	38.488	-814			-814	286			
2	Trường THCS và THPT Thới Thuận	C	7861065	Thốt Nốt		2021-2024	4278/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	39.999	39.999	37.588	37.588	37.588	-720			-720	280			
	Dự án chuyển tiếp							79.992	79.992	79.383	45.183	45.183	1.534	0	1.534		33.734			
	Trường THPT Chuyên Lý Tự Trọng	B	7861066	Cái Răng		2021-2025	147/QĐ-UBND ngày 18/01/2022	79.992	79.992	79.383	45.183	45.183	1.534			1.534	33.734			
VI	Sở Khoa học và Công nghệ							29.976	29.976	29.746	26.130	26.130	-176		-176	0	364			
	Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng							29.976	29.976	29.746	26.130	26.130	-176		-176	0	364			
	Sân giao dịch công nghệ	C	7884144	Ninh Kiều		2022-2025	770/QĐ-UBND ngày 22/02/2022	29.976	29.976	29.746	26.130	26.130	-176		-176		364			
VII	Sở Nội vụ							49.975	4.975	1.697	47.385	1.385	-17	-17	0	0	230			

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án A/B/C	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024		Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh (tăng/giảm)				Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh
							Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSDP 2025		Tổng số vốn NSDP	Tổng số vốn NSDP	Kế hoạch vốn năm 2025 trước khi điều chỉnh	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh (tất cả các nguồn vốn)			
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP						Tổng số vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách địa phương	
	Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng						2842/QĐ-UBND 30/10/2017	49.975	4.975	1.697	47.385	1.385	247	-17	-17	0	230	
	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm bảo trợ xã hội thành phố Cần Thơ	B	7590973	Ô Môn		2017-2022	3192/QĐ-UBND 07/12/2017	49.975	4.975	1.697	47.385	1.385	247	-17	-17	0	230	
VIII	Số Xây dựng							586.581	586.581	429.060	417.683	417.683	80.000	-19.338	-19.338	0	60.662	
	Dự án chuyên tiếp							586.581	586.581	429.060	417.683	417.683	80.000	-19.338	-19.338	0	60.662	
	Trung tâm Văn hóa - Thể thao Ninh Kiều	B	7772903	Ninh Kiều		2020-2025	2626/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	586.581	586.581	429.060	417.683	417.683	80.000	-19.338	-19.338		60.662	